

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG SERVICE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG SERVICE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110899397

3. Ngày thành lập: 26/11/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 26 Lô A22, Khu Đô Thị Geleximco, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982462192

Fax:

Email: *thanglongservice2024@gmail.com* Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
3.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa	4513
4.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa	4530
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa	4610
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Trừ Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế	4649
8.	Bán buôn tổng hợp	4690
9.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
10.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
11.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa	4791
12.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa	4799
13.	Vận tải hành khách đường sắt Chi tiết: Đại lý vận tải hành khách	4911
14.	Vận tải hàng hóa đường sắt Chi tiết: Đại lý vận tải hàng hóa đường sắt	4912
15.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921

16.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
17.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
18.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định (Điều 4 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP)	4931
19.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng (Điều 7 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP)	4932
20.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
21.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
22.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
23.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
26.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
27.	Bốc xếp hàng hóa	5224
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225(Chính)
29.	Bưu chính	5310
30.	Chuyển phát	5320
31.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
32.	Cơ sở lưu trú khác	5590
33.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư, Tư vấn quản lý	6619
34.	Quảng cáo Trừ các loại nhà nước cấm	7310
35.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
36.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
37.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
38.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Trừ hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm)	7810
39.	Cung ứng lao động tạm thời	7820

40.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (Điều 21 Nghị định 145/2020/NĐ-CP) - Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài (Điều 10 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 2020)	7830
41.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: – Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
43.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
44.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, + Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, + Dịch vụ kiểm tra giáo dục, + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên. + Dịch vụ tư vấn du học	8560

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 300.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LƯU THỊ HUYỀN	Thôn 1, Xã Thạch Đà, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	30,000	0011850316 36	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	90.000	900.000.000	30,000		
2	PHẠM DUY DUY	Thôn Thiên Đông, Xã Kim Tân, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	50,000	0300850190 36	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	50,000		

3	TRIỆU THỊ KIỀU	Thôn Năm Lìn, Xã Yên Cư, Huyện Chợ Mới, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	0041860053 71
			Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	20,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	60.000	600.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LƯU THỊ HUYỀN
Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/04/1985
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001185031636

Ngày cấp: 04/08/2022
Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn 1, Xã Thạch Đà, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn 1, Xã Thạch Đà, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội